

**CÔNG TY CỔ PHẦN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
XI MĂNG PHÚ THỌ NAM**

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ

Năm báo cáo: 2017

Hồ sơ gồm:

- 1. Báo cáo thường niên năm 2017**
- 2. Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2017**
- 3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017**
- 4. Báo cáo tài chính năm 2017**

Thanh Ba, Tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ
Năm báo cáo: 2017

I. THÔNG TIN CHUNG.

1. Thông tin khái quát.

- Tên Doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ
- Tên Tiếng Anh: PHU THO CEMENT JOINT STOCK COMPANY
- Trụ sở chính : Khu 12, thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.
- Điện thoại : 0210 3885 310
- Fax : 0210 3884 023
- Website: ximangphutho.com.vn



- Logo:

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Triệu Quang Thuận - Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc;
- Giấy Chứng nhận ĐKKD: Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2600116271 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp ngày 14 tháng 02 năm 2007 và thay đổi lần thứ 06 ngày 04 tháng 02 năm 2013

Thông tin về chứng khoán đăng ký giao dịch:

- Vốn điều lệ đăng ký: 125.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 125.000.000.000 đồng
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 12.500.000 cổ phiếu.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu.
- Mã chứng khoán: PTE
- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của công ty (nếu có): không.

2. Quá trình hình thành và phát triển.

- Việc thành lập: Tiền thân là Nhà máy xi măng Đào Giã được thành lập theo Quyết định số 144/1967/QĐ – TC ngày 29/09/1967 của UBND tỉnh Vĩnh Phú. Sau hơn 50 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, Nhà máy đã cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước và chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, lấy tên Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ từ ngày 14/2/2007 cho đến nay.
- Niêm yết: Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đang niêm yết và giao dịch trên sàn UpCom - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

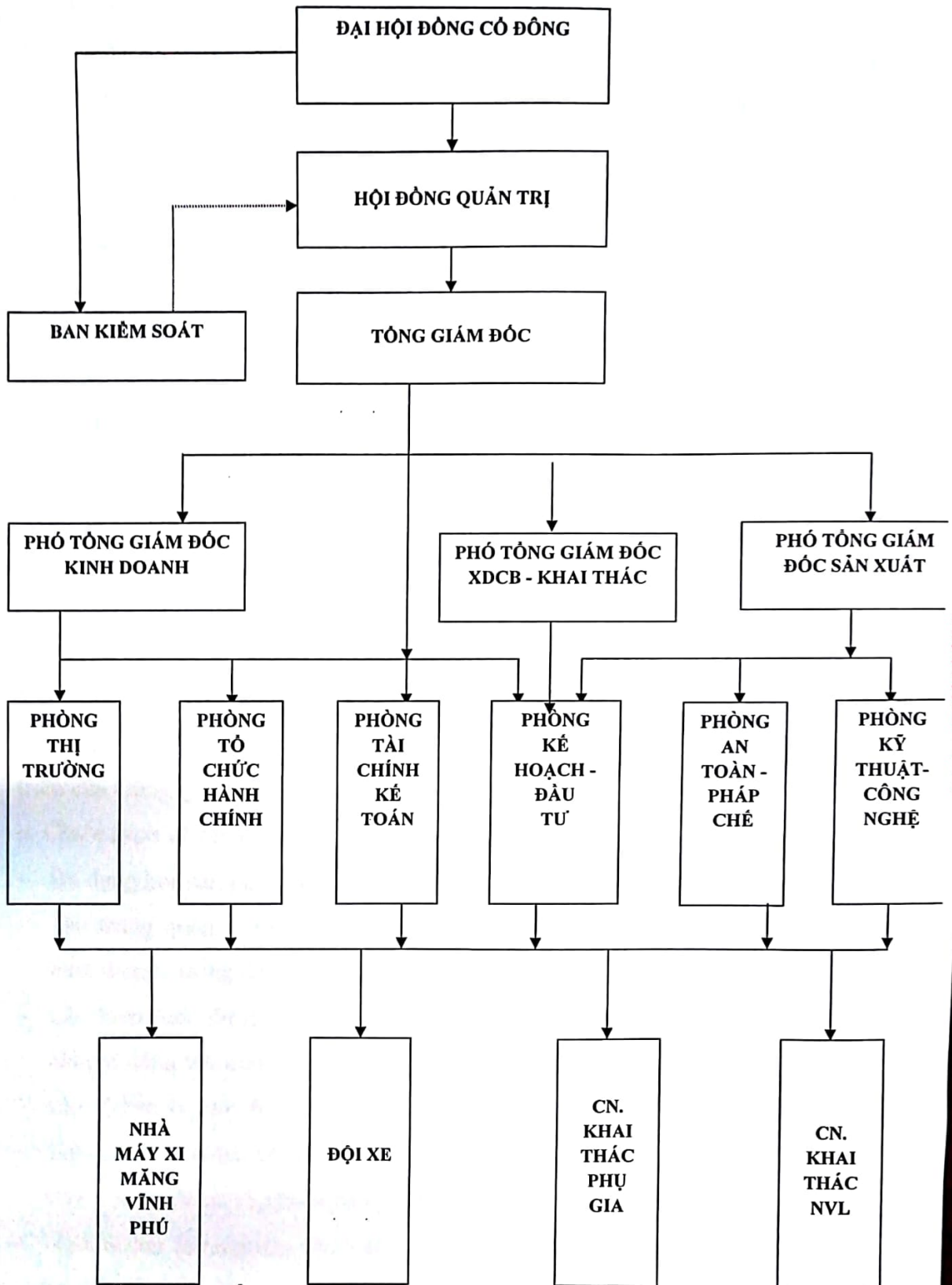
Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và kinh doanh xi măng PCB-40, PCB-30; Clinker thương phẩm.
- Khai thác kinh doanh đá xây dựng, đá giao thông.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng khác.
- Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thuỷ lợi.
- Chuẩn bị mặt bằng xây dựng.
- Kinh doanh vận tải hàng hoá đường bộ.

Địa bàn kinh doanh: Thị trường tiêu thụ xi măng Vĩnh Phú được xác định là các tỉnh phía Bắc trong đó trọng điểm là tỉnh Phú Thọ và các tỉnh lân cận như Vĩnh Phúc, Lào Cai, ... Hiện nay, hệ thống các nhà phân phối, các đại lý bao tiêu sản phẩm tại các địa phương này đã được thiết lập và sẵn sàng cho công tác tiêu thụ sản phẩm.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .

- Mô hình quản trị: Bộ máy quản lý của Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ được tổ chức theo mô hình chức năng. Đây là mô hình tiên tiến được rất nhiều các doanh nghiệp áp dụng. Theo đó, những nhiệm vụ quản trị cụ thể được giao cho các đơn vị riêng biệt theo các chức năng quản trị và hình thành nên những người lãnh đạo được chuyên môn hóa trong các lĩnh vực cụ thể đó. Ưu điểm của mô hình này là: thu hút được các chuyên gia vào công tác lãnh đạo, việc giải quyết các vấn đề chuyên môn trở nên thành thạo và nhanh chóng hơn, đồng thời giảm bớt gánh nặng về quản trị cho Tổng giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty như sau:



Sơ đồ 1.1: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Xi măng Phú Thọ

14

- Các đơn vị trực thuộc:

Chi nhánh khai thác NVL: Khu 9, xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Chi nhánh khai thác phụ gia: Khu 12 – Thị trấn Thanh Ba - Huyện Thanh Ba -
Tỉnh Phú Thọ

- Các đơn vị liên doanh, liên kết:

✓ Công ty cổ phần xi măng Sông Thao

Địa chỉ: Ninh Dân - Thanh Ba - Phú Thọ.

Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất xi măng

Mức vốn đầu tư là 3.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ tại Công ty cổ phần xi măng Sông Thao là 0,469%

5. Định hướng phát triển của Công ty

5.1. Mục tiêu phát triển trong năm 2017.

Xác định năm 2017 tiếp tục là một năm còn nhiều khó khăn đối với ngành xi măng nói chung và Công ty cổ phần xi măng nói riêng. Đây thực sự là một thách thức lớn đặt ra cho HĐQT và ban lãnh đạo Công ty, đòi hỏi CNCNV phải toàn tâm, toàn trí nâng cao tinh thần đoàn kết vượt khó tạo đà để thúc đẩy sự phát triển của Công ty. Mục tiêu đặt ra là:

a. Chiến lược về sản phẩm:

- Đa dạng hóa sản phẩm xi măng, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Tập trung quản lý toàn diện trong các lĩnh vực, tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh, trong đó đẩy mạnh chủng loại sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao.
- Có chiến lược dự trữ nguyên liệu, thành phẩm hợp lý, khoa học nhằm giảm chi phí hàng tồn kho. Lựa chọn các nhà thầu cung cấp vật tư, thiết bị để nâng cao độ bền và tuổi thọ của máy móc, thiết bị.
- Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng đối với những khách hàng đã có và khách hàng tiềm năng trong tương lai.
- Nghiên cứu thử nghiệm các loại phụ gia mới có giá thành rẻ nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật đưa vào sử dụng.

- Nâng cao năng suất lao động và ổn định chất lượng sản phẩm. Tiết kiệm triệt để chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm.
- Ổn định và phát triển, xây dựng thương hiệu sản phẩm của Công ty trở thành một thương hiệu mạnh

b. Chiến lược đầu tư công nghệ:

- Đầu tư chiều sâu công nghệ sản xuất, nâng cao năng suất chất lượng và hạ giá thành sản phẩm để đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

c. Chiến lược tài chính:

- Chủ động công bố minh bạch thông tin, cung cấp kịp thời cho các nhà đầu tư để nắm bắt được hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt là thông tin về tình hình tài chính.
- Tìm kiếm các nguồn vốn vay phù hợp, cơ cấu lại nguồn vốn của Công ty sao cho hợp lý đồng thời tận dụng tối đa ưu thế của đòn cân nợ.
- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

d. Chiến lược nhân sự:

- Cơ cấu sắp xếp lại lao động, đảm bảo đủ nguồn lực, hợp lý hóa sản xuất.
- Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân viên chức trong Công ty.
- Nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ. Sử dụng lao động có chuyên môn nghiệp vụ trong các phòng ban Công ty.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật có năng động, có năng lực và trình độ cao, đội ngũ công nhân giỏi và lành nghề.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Công ty lựa chọn lộ trình hợp lý để triển khai thực hiện đầu tư các dự án mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- Phấn đấu phát triển mạnh thương hiệu xi măng Vĩnh Phú theo các tiêu chí:
 - + *Chất lượng cao và ổn định.*
 - + *Giá cả cạnh tranh.*
 - + *Thị phần lớn.*

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Duy trì sản xuất kinh doanh, đảm bảo đủ công ăn việc làm cho người lao động, đảm bảo cổ tức cho các cổ đông.
- Nghiên cứu chuyên đổi, mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh, sản xuất những sản phẩm thân thiện với môi trường phù hợp với chủ trương của Nhà nước.
- Chú trọng đến công tác xử lý chất thải và vệ sinh công nghiệp, đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp trong Công ty cũng như với các khu dân cư lân cận.

6. Các rủi ro:

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.279.275.429	8.263.927.532
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27.377.213.568	22.498.520.255
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	980.492.152	980.492.152
Cộng	29.636.981.149	31.742.939.939

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	76.629.755.857	170.351.089.622		246.980.845.479
Phải trả người bán, phải trả khác	216.769.194.452			216.769.194.452
Chi phí phải trả	36.775.833.277			36.775.833.277
Cộng	330.174.783.586	170.351.089.622	-	500.525.873.208
Số đầu năm				
Vay và nợ	58.683.926.865	183.651.861.714		242.335.788.579
Phải trả người bán, phải trả khác	224.574.623.260			224.754.623.260
Chi phí phải trả	30.296.579.201			30.296.579.201
Cộng	313.735.129.326	183.651.861.714		497.386.991.040

Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	397,69	409,77
Vay và nợ	(5.167.280,17)	(5.208.854,86)
Phải trả người bán	(152.035,46)	(152.035,46)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(5.319.315,63)	(5.360.480,55)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 2.422.597.445 VND (năm trước giảm/tăng 2.443.307.035 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Rủi ro về giá chứng khoán

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017, tổng doanh thu của Công ty là 238.600.613.823 đồng chỉ đạt 88.73% kế hoạch năm. Trong đó, doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính là 237.968.421.456 đồng chiếm 88,49% tổng doanh thu.

Tại thời điểm 31/12/2017:

- Tổng tài sản của Công ty là 518.214.017.138 đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 76.782.115.873 đồng và tài sản dài hạn là 441.131.901.265 đồng.
- Tổng nguồn vốn của Công ty 518.214.017.138 đồng, trong đó vốn chủ sở hữu là (11.312.664.031) đồng và nợ phải trả là 529.526.681.169 đồng.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	% hoàn thành
I. Chỉ tiêu hiện vật				
1. Xi măng sản xuất các loại	tấn	280.000	260.580,45	93,06
2. Xi măng tiêu thụ các loại	tấn	280.000	271.140,34	96,84
3. Clinker thương phẩm	tấn	30.000	0	0
II. Chỉ tiêu tài chính				
1. Tổng doanh thu	đồng	268.908.000.000	238.600.613.823	88,73
- D.thu bán hàng, cung cấp DV	đồng	268.908.000.000	237.968.421.456	88,49
- D.thu tài chính và hoạt động khác	đồng		632.192.367	
2. Tổng chi phí	đồng	254.545.000.000	253.101.744.128	99,43
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	đồng	(14.363.000.000)	(14.501.130.305)	
4. Lợi nhuận sau thuế	đồng	(14.363.000.000)	(14.501.130.305)	

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

Danh sách Ban giám đốc Công ty và cán bộ quản lý các phòng ban tại thời điểm ngày 31/12/2017.

<p>Triệu Quang Thuận Sinh năm: 29/02/1964 Quê quán: Xã Sơn Vi - Huyện Lâm Thao - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Chủ tịch HĐQT - kiêm Tổng giám đốc Công ty.</p>	<p>Phạm Mạnh Cường Sinh năm: 28/11/1969 Quê quán: Từ Lộc - Hải Dương Trưởng phòng An toàn - Pháp chế - Thi đua</p>
<p>Phạm Quang Anh Sinh năm: 23/07/1962 Quê quán: Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty Ủy viên HĐQT</p>	<p>Trần Quốc Huy Sinh năm: 13/06/1966 Quê quán: Xã Đông Lĩnh - Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ Trưởng phòng thị trường</p>
<p>Bùi Văn Khang Sinh năm: 23/08/1959 Quê quán: Xã Vĩnh Chân - Huyện Hạ hòa - Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty Giám đốc dự án</p>	<p>Nguyễn Quốc Tuấn Sinh năm: 17/01/1958 Quê quán: Thái Yên- Đức Thọ- Nghệ Tĩnh Chức vụ: Trưởng phòng KH – ĐT</p>
<p>Nguyễn Xuân Sơn Sinh năm: 12/1960 Quê quán: Đào Giã - Thanh Ba- Phú Thọ Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty</p>	<p>Bùi Hữu Văn Sinh năm: 07/04/1981 Quê quán: Ninh Dân – Thanh Ba – Phú Thọ Chức vụ: Quyền Trưởng phòng TC-HC</p>
<p>Vũ Anh Phương Sinh năm: 02/09/1972 Quê quán: Vân Cơ- Việt Trì - Phú Thọ Chức vụ: Trưởng phòng TC-KT</p>	<p>Hà Thị Thơm Sinh năm: 22/10/1970 Quê quán: xã Từ Mỹ-huyện Tam Nông- Tỉnh Phú Thọ Chức vụ: Trưởng phòng KT-CN</p>

HT

<p><i>Nguyễn Quý Thắng</i> Sinh năm: 29/03/1981 Quê quán: Ninh Dân - Thanh Ba - Phú Thọ Chức vụ: Giám đốc chi nhánh KTNVL</p>	<p><i>Nguyễn Phi Tuyên</i> Sinh năm: 01/09/1968 Quê quán: Vụ Cầu - Thanh Ba - Phú Thọ Giám đốc Nhà máy xi măng Vĩnh Phú</p>
--	--

- Nhưng thay đổi của Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Triệu Quang Thuận	Chủ tịch HĐQT	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Nguyễn Khắc Lâm	Ủy viên	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Phạm Quang Anh	Ủy viên	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Trần Tuấn Đạt	Ủy viên	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Nguyễn Thành Phú	Ủy viên	29 tháng 6 năm 2017	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Tạ Đức Thiệm	Trưởng ban	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Đỗ Thị Thanh Yên	Thành viên	29 tháng 6 năm 2017	
Ông Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên		

2.2. Số lượng lao động và chính sách đối với người lao động:

- Tình hình biến động lao động trong năm 2017: Đầu năm: 358 người
Cuối năm: 259 người
- Chính sách đối với người lao động:

- + Thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ cho cán bộ CNV trong công ty.
- + Cử cán bộ công nhân viên đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn.
- + Bố trí, sắp xếp lao động làm việc theo đúng ngành nghề, phù hợp với sức khỏe của người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a. Các khoản đầu tư XDCB trong năm 2017:

Sau khi bàn giao và đưa vào sử dụng dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clinker/ngày (cuối năm 2012) và dây chuyền nghiền xi măng công suất 65T/h (đầu năm 2013) thì trong năm 2017; Công ty tập trung vào thực hiện đầu tư xây dựng một số công trình, hạng mục phụ trợ bao gồm: Mở rộng mỏ đá vôi, hỗ trợ -bồi thường giải phóng mặt bằng khu tái định cư thực hiện: 15.556 triệu đồng; lắp đặt đưa hệ thống máy búa nghiền đứng tại Chi nhánh Khai thác nguyên vật liệu có giá trị thực hiện là: 182 triệu đồng; hoàn thành hệ thống hàng rào dây thép gai, hàng rào tôn thực hiện giá trị là: 275 triệu đồng; sửa chữa gạch chịu lửa, bê tông chịu nhiệt giá trị 6.202 triệu đồng; sửa chữa xây dựng cơ bản khác giá trị trên 127 triệu đồng.

b. Tình hình sản xuất kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết:

Công ty cổ phần xi măng Sông Thao:

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng tài sản	1.333.396	1.237.229	↓ 7.2 %
Doanh thu thuần	876.550	830.008	↓ 5.3 %
Lợi nhuận sau thuế	31.410	560	↓ 98.2 %

4. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	%Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	524.643.044.959	518.214.017.138	↓ 1,22%
Doanh thu thuần	281.793.375.396	237.968.421.456	↓ 15,55%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-2.567.653.735	-15.110.364.833	↓ 488,48%
Lợi nhuận khác	1.252.619.897	609.234.528	↓ 51,36%
Lợi nhuận trước thuế	-1.315.033.838	-14.501.130.305	↓ 1002,72%
Lợi nhuận sau thuế	-1.315.033.838	-14.501.130.305	↓ 1002,72%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-		

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,241	0,214	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,121	0,0998	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,994	1,022	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	163,54	-46,808	

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	6,82	5,22	
<u>Giá vốn hàng bán</u>			
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,537	0,459	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	-0,005	-0.061	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0,412	1,282	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,003	-0,028	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,009	-0.063	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 12.500.000 cổ phần

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:

b. Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông được phân chia theo theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân.

Cổ đông	Vốn góp	
	(VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn nhà nước (đại diện ông Triệu Quang Thuận)	22.950.000.000	18,36
Ông Triệu Quang Thuận	6.919.500.000	5,54
Các cổ đông khác	95.130.500.000	76,1
Tổng cộng	125.000.000.000	100,00

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e. Các chứng khoán khác. Không

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

a. *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:* Đã trình bày tại biểu tình hình thực hiện so với kế hoạch (Mục 1 - Phần II).

b. *Đánh giá tổng quát:*

Từ năm 2013 đến hết năm 2016, sản lượng xi măng tiêu thụ xi măng của Công ty tăng lên đáng kể nhưng có xu hướng giảm, năm 2014 tăng so với năm 2013 là 43,64%, năm 2015 tăng so với năm 2014 là 0,89%, nhưng đến năm 2016 giảm so với năm 2015 là 7,62% , đến năm 2017 hoàn thành so với kế hoạch là 96,84 % sụt giảm so với năm 2016 là 10.41 %. Dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clinker/ngày và Dây chuyền nghiền xi măng công suất 65tấn/h đã đi vào hoạt động ổn định và phát huy được công suất của thiết bị. Cán bộ CNV Nhà máy vận hành trực tiếp dây chuyền sản xuất Clinker lò quay với hệ thống máy móc tiên tiến, hiện đại căn bản đã làm chủ được công nghệ, rút ra được nhiều kinh nghiệm trong quá trình vận hành Nhà máy. Chất lượng sản phẩm ngày càng được nâng cao, sản phẩm của Công ty ngày càng có uy tín trên thị trường trong và ngoài tỉnh, được người tiêu dùng tin tưởng sử dụng. Công tác bán hàng qua nhà phân phối cấp I và thu tiền trước khi

bán hàng làm cho thị phần của Công ty được giữ vững và ngày càng mở rộng, góp phần giải quyết phần nào gánh nặng tài chính của Công ty.

Bên cạnh đó, trong 5 năm trở lại đây, được sự quan tâm và tin tưởng của UBND Tỉnh và các cấp chính quyền địa phương, hầu hết các công trình giao thông nông thôn trọng điểm có vốn Nhà nước đều do Công ty CP xi măng Phú Thọ cung ứng xi măng. Điều này có tầm ảnh hưởng rất lớn đến vị thế của Công ty trên thị trường. Chất lượng xi măng đảm bảo, khả năng cung ứng nhanh, kịp thời, giá cả hợp lý đã giúp thương hiệu Xi măng Vĩnh Phú chiếm được niềm tin của đại đa số người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Các chỉ tiêu chính về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 cơ bản đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, chỉ tiêu về doanh thu đạt thấp so với kế hoạch (88,7%) và giảm so với năm 2016 từ 10 đến 15%. Nguyên nhân khách quan chủ yếu là do: trong năm 2017 vẫn còn là năm khó khăn đối với ngành sản xuất xi măng, thị trường xi măng ứ đọng nhiều, sản lượng tiêu thụ tăng chưa cao, thị trường nguyên - nhiên vật liệu đầu vào tăng mạnh như giá than, giá điện, giá xăng dầu và giá các vật tư vật liệu khác làm cho giá thành sản xuất xi măng tăng. Mặt khác do tính chất cạnh tranh gay gắt của thị trường, việc xuất hiện các sản phẩm xi măng cùng loại đã cạnh tranh với sản phẩm của Công ty nên giá bán sản phẩm tăng không đáng kể.. Trong năm 2017, Nhà máy phải nhiều lần dừng lò nên chi phí bảo dưỡng, thay thế tăng cao. Trong quá trình lập đầu tư, dự án không bố trí nguồn đền bù GPMB mỏ đá vôi, đá sét, đá silic nên đến nay Công ty hết nguyên liệu đá vôi cho sản xuất xi măng mặc dù Công ty đã cố gắng khắc phục (do một số hộ dân ở Khu 3 – xã Yên Nội - Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ tập trung dựng lều, trại quanh mỏ đá và đứng ra cản trở việc nổ mìn khai thác); đá sét, đá silic phải mua ngoài mỏ lẻ với giá cao (Công ty khai thác tại mỏ là 25.000 đồng/tấn phụ gia nhưng do mỏ đá được cấp hết trữ lượng nên phải mua ngoài với giá 45.000 đồng/tấn). Cả tháng 02/2017 và từ ngày 14/07/2017 đến ngày 16/08/2017, Công ty phải dừng sản xuất Clanke do chưa giải quyết được các vấn đề liên quan đến giải phóng mặt bằng và Công ty phải mua ngoài Clanke để có thể tiếp tục quá trình sản xuất kinh doanh. Đến ngày

14/08/2017 và ngày 21/08/2017 các hộ dân thuộc diện chi trả đền bù GPMB hỗ trợ & TĐC đã đồng ý nhận tiền. UBND huyện Thanh Ba phối hợp với xã Yên Nội cùng Công ty (do UBND huyện Thanh Ba làm chủ tịch HĐ GPMB) đã kết hợp chi trả đợt 1 và đợt 2 số tiền là 14,6 tỷ đồng. Số tiền đền bù đất ruộng còn phải chi trả tiếp là 1,05 tỷ đồng. Công ty đã ứng trước tiền cấp xi măng GTNT 7 tỷ. Tình hình tài chính của Công ty rất khó khăn, để chi trả kinh phí GPMB vừa qua, Công ty đã phải huy động vốn từ các cá nhân và cán bộ, công nhân viên trong công ty, số tiền đã huy động là 11,25 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty chưa mở rộng được ngành nghề sản xuất kinh doanh, cán bộ tiêu thụ chưa năng động, chưa bám sát thị trường, doanh thu thu được chủ yếu là từ tiêu thụ sản phẩm xi măng, chưa tìm được thị trường tiêu thụ cho clinker lò quay và các sản phẩm xi măng rời.

2. Tình hình tài chính.

Qua các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, mặc dù hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty năm 2017 xấp xỉ năm 2016, nhưng đều ở mức thấp điều này có nghĩa các khoản nợ phải trả chưa có tài sản đảm bảo và không được đảm bảo thanh toán nợ khi đến hạn.

Qua các chỉ tiêu phản ánh cơ cấu vốn, chúng ta có thể nhận thấy trong tổng số tài sản mà công ty đang nắm giữ đến 31/12/2017 có đến 102,2 % (năm 2016 là 99,4%) số tài sản được hình thành từ các khoản nợ, điều chứng tỏ tính tự chủ không cao về mặt tài chính của Công ty.

Hiệu suất sử dụng tài sản của Công ty năm 2017 thấp hơn năm 2016. Nếu như năm 2016 cứ mỗi đồng tài sản thì tạo ra cho Công ty 0,537 đồng doanh thu thì sang đến năm 2017 đã tạo ra được 0,459 đồng doanh thu. Bên cạnh đó vòng quay hàng tồn kho cũng giảm từ 6,82 năm 2016 xuống còn 5,22 năm 2017, điều đó chứng tỏ hàng tồn kho của Công ty không bị ứ đọng nhiều, sản phẩm sản xuất ra tiêu thụ được ngay góp phần tăng hiệu quả sử dụng vốn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Năm 2017 là năm Công ty gặp phải nhiều khó khăn, nhưng thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty cơ bản không bị thu hẹp, sản xuất tương đối ổn định,

đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động. Giải pháp mà Công ty đã thực hiện đó là:

- Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức gọn nhẹ phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, rà soát lại lực lượng lao động và chấm dứt hợp đồng lao động đối với những người không bố trí được việc làm, thực hiện chi trả chế độ theo đúng quy định.
- Nghiên cứu các giải pháp công nghệ trong sản xuất xi măng để điều chỉnh giảm chi phí nguyên vật liệu chính nhằm giảm giá thành sản phẩm
- Cải tiến, khắc phục những hạn chế của dây chuyền sản xuất Clinker công suất tối đa 1.200tấn/ngày và dây chuyền nghiền xi măng công suất 65 tấn/giờ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng của xi măng sản xuất.
- Ổn định, củng cố và mở rộng thị trường tiêu thụ các loại sản phẩm xi măng. Tập trung tìm kiếm thị trường tiêu thụ các sản phẩm khác như xi măng bột PCB40, xi măng bột PCB30 và clinker lò quay.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Đã trình bày tại Định hướng phát triển của Công ty (Mục 5 - Phần I)

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Mặc dù năm 2017, nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, nhiều nhà máy xi măng trong cả nước không tránh khỏi tình trạng cung vượt cầu. Tuy nhiên, với những lợi thế nhất định về công nghệ, về kinh nghiệm quản lý và vận hành sản xuất, sản xuất sản phẩm dần đi vào ổn định, năng suất và tiêu thụ các loại sản phẩm xi măng được giữ vững. Sản phẩm xi măng Vĩnh Phú đã được thị trường đón nhận và được sử dụng ở hầu hết các công trình lớn như tại các công trình giao thông, hạ tầng cơ sở, các tòa nhà cao tầng trong khu vực, trong đó khai thác được nhiều thị trường mới tại các tỉnh thành như: Hà Giang, Lào Cai-Yên Bái.

Tuy nhiên, trong năm 2017, các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí, ... đều không đạt được so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân là do:

- Năm 2017, do tiếp tục kìm chế lạm phát và chính sách thắt chặt tiền tệ, cắt giảm đầu tư, các dự án xây dựng bị dừng lại, nhiều ngành sản xuất công nghiệp khác bị đình trệ, làm cho sức mua của thị trường xi măng giảm. Do đó ảnh hưởng tới công tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của Công ty.
- Giá cả các nguyên vật liệu đầu vào tăng như giá điện, giá xăng dầu, giá than, lương tối thiểu làm tăng giá thành sản phẩm.
- Trên thị trường xuất hiện nhiều loại sản phẩm xi măng công nghệ lò quay bằng hoặc chênh lệch rất ít so với giá bán của xi măng Vinh Phú dẫn đến việc cạnh tranh thị trường tiêu thụ gặp rất nhiều khó khăn.
- Chưa mở rộng được ngành nghề sản xuất kinh doanh. Do vậy, doanh thu chủ yếu phụ thuộc vào hoạt động sản xuất và tiêu thụ xi măng.
- Cán bộ thị trường chưa năng động, chưa bám sát thị trường nên mặc dù lượng xi măng tiêu thụ có tăng nhưng không đáng kể. Bên cạnh đó, với thế mạnh về dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất 1200 tấn clinker/ngày, lượng clinker chất lượng tốt sản xuất ra không những đáp ứng đủ cho sản xuất mà còn đáp ứng nhu cầu tiêu thụ, tuy nhiên việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ clinker vẫn chưa được cán bộ thị trường chú trọng.
- Những tháng đầu năm 2017 do chưa giải quyết dứt điểm công tác đền bù giải phóng mặt bằng tại mỏ đá vôi nên dẫn đến tình trạng thiếu nguyên liệu để sản xuất xi măng. Ngoài ra mỏ đá sét, đá cao silic không thể khai thác nên Công ty phải mua ngoài manh mún với giá cao.
- Công ty chưa vay được vốn lưu động nên không chủ động được sản xuất.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát đối với Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý thông qua việc thực hiện chế độ báo cáo thường kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết các cuộc họp hoặc báo cáo bất thường khi có yêu cầu.

Để tiếp tục điều hành tốt hoạt động kinh doanh của Công ty, trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị,

Ban Tổng giám đốc đã họp, phân công rõ trách nhiệm theo dõi, điều hành từng lĩnh vực cho các thành viên trong Ban Giám đốc.

Trong quá trình thực hiện chỉ đạo sản xuất kinh doanh, Ban giám đốc đã cố gắng tìm mọi biện pháp thay đổi, cải tiến công nghệ sản xuất để giảm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm. Công tác nghiên cứu và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cũng được Ban giám đốc đặc biệt chú trọng, điển hình là nhiều hợp đồng cung cấp xi măng cho các công trình giao thông nông thôn trọng điểm đã được Công ty ký kết thực hiện. Việc đơn đốc thu hồi công nợ được Ban giám đốc hết sức lưu ý, do vậy trong năm 2016 tỷ lệ các khoản nợ phải thu khó đòi, các khoản nợ xấu giảm đáng kể.

Các cán bộ quản lý của Công ty có năng lực tốt, nhiệt tình trong công tác và luôn nghiêm túc thực hiện Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Cơ cấu Ban giám đốc phù hợp với nhiệm vụ, đặc điểm của Công ty, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

3.1. Mục tiêu, định hướng.

Lấy sản xuất kinh doanh xi măng là ngành chính, lấy hiệu quả kinh tế, chất lượng sản phẩm, uy tín với khách hàng làm thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền vững. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín và thương hiệu Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ, khẳng định vững chắc thương hiệu "Xi măng Vĩnh Phú".

3.2. Giải pháp thực hiện.

a. Giải pháp về tổ chức sản xuất, quản lý và điều hành.

- Đối với công tác sản xuất:

+ Quản lý chất lượng kỹ thuật; giám sát kiểm tra chất lượng, khối lượng nguyên nhiên vật liệu đầu vào; phân tích, điều chỉnh, ổn định cấp phối đầu vào máy nghiền xi măng để đảm bảo chất lượng xi măng theo quy định, nâng cao năng suất máy nghiền xi măng đảm bảo giảm tiêu hao nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm.

- + Theo dõi tình hình biến động giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất. Tìm kiếm và lựa chọn các nhà cung cấp nguyên liệu có chất lượng tốt mà giá cả hợp lý.
- + Các vị trí sản xuất thực hiện vận hành thiết bị dây chuyền phải theo đúng quy trình, quy phạm, phát huy tối đa năng suất của thiết bị.
- + Tăng cường công tác quản lý các khâu nhập nguyên vật liệu.
- + Một trong những khó khăn lớn nhất của Công ty hiện nay đó là chưa tìm được biện pháp tối ưu nhất để tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm trên thị trường. Bên cạnh nguyên nhân chính đó là thiếu vốn lưu động hậu giai đoạn đầu tư dẫn đến thiếu chủ động trong vấn đề nguyên liệu cho sản xuất, thì một trong nguyên nhân quan trọng không kém đó là kiểm soát tiêu hao. Mặc dù Nhà máy được đưa vào vận hành sau hơn 2 năm thiết bị để ngoài trời làm giảm tương đối công suất thiết kế ban đầu do các tác động lý hóa của môi trường, khí hậu. Nhưng Công ty đã đầu tư thêm công nghệ, thiết bị để giảm tiêu hao than; đã có thể kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu đầu vào nhưng nếu không kiểm soát được các vật tư phụ, tiêu hao điện năng, chi phí sửa chữa,... thì mọi nỗ lực khắc phục khó khăn trước đó sẽ không đem lại hiệu quả, thậm trí càng đầu tư càng mất vốn. Như chúng ta đã biết, nguyên nhân hàng đầu khiến cho hệ thống máy móc sản xuất hư hỏng là do không được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng thiết bị sản xuất và lấy đó là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu nhằm tránh những tổn thất lớn về kinh tế, giảm lãng phí thời gian và chi phí sửa chữa. Do vậy Nhà máy Xi măng Vĩnh Phú cùng với phòng KH-ĐT, phòng KT-CN trên cơ sở đặc điểm cấu tạo, quy trình vận hành của máy móc thiết bị phải xây dựng định mức tiêu hao vật tư, từ đó có kế hoạch sửa chữa máy móc thiết bị cho phù hợp.
- Đối với công tác quản lý, điều hành:
 - + Bổ sung, sửa đổi quy chế quản lý nội bộ và chế độ tiền lương phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Đảm bảo phát huy cao nhất sức sáng tạo, chủ động của tập thể, cá nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- + Xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định đảm bảo công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty theo phương pháp quản lý và điều hành tiên tiến, phân cấp triệt để nhằm phát huy hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- + Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp nhằm tăng năng suất lao động và tiết kiệm chi phí ở tất cả các khâu sản xuất để đảm bảo tăng thu nhập và thu hút lực lượng lao động có chuyên môn giỏi, tay nghề cao.
- + Việc duy trì các buổi Hội thảo về Khoa học- kỹ thuật thường xuyên cho cán bộ, công nhân lao động cũng là cơ hội tốt để mọi người trao đổi kinh nghiệm. Do quy trình sản xuất được chia thành nhiều công đoạn, mỗi công đoạn lại có thể có nhiều người cùng phối hợp làm việc, mỗi người lại theo dõi sản xuất, theo dõi sự vận hành thiết bị ở những địa điểm khác nhau, thông qua tra đổi kinh nghiệm, hội thảo kỹ thuật sẽ được kiến thức vận hành hoàn thiện hơn cho đây chuyên; bổ sung những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu từ đó nâng cao tay nghề lao động, nâng cao hiệu quả làm việc nhóm.

b. Giải pháp về phát triển nguồn lực con người.

Bên cạnh vấn đề về sản xuất thì nguồn lực con người cũng là khó khăn không nhỏ. Công ty hiện nay đang thiếu các kỹ sư có tay nghề giỏi, thiếu những lao động có tâm huyết, muốn gắn bó lâu dài với Nhà máy. Để khắc phục vấn đề này, các giải pháp cần làm ngay là:

- Xây dựng quy hoạch và đào tạo bồi dưỡng cán bộ nguồn đặc biệt là lực lượng cán bộ trẻ, áp dụng nhiều hình thức đào tạo, chú trọng đào tạo tại chỗ
- Đào tạo, bồi dưỡng trình độ, năng lực quản lý, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ kết hợp với bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, đạo đức, tác phong lãnh đạo.
- Tập trung tuyển dụng, đào tạo lao động ở vị trí thiếu, vị trí khó; tránh tuyển dụng, đào tạo tràn lan những chuyên ngành không cần thiết, không thiếu dẫn đến không bố trí được công việc đúng chuyên ngành, làm cho người lao động lúng túng khi làm việc, chán nản, mất thời gian mà không nâng cao được hiệu quả làm việc.

- Xây dựng chế độ lương, chế độ thưởng, chế độ bảo hiểm và phúc lợi xã hội hợp lý, phù hợp với các quy định của Pháp luật và điều kiện của Công ty vừa để kích thích tuyển dụng được lao động các trình độ cao vừa để khuyến khích người lao động đang công tác yên tâm làm việc, cống hiến.

c. Giải pháp về đầu tư phát triển:

- Tiếp tục đầu tư, phát triển, hoàn thiện và nâng cấp dây chuyền nghiên xi măng công suất 65 tấn/giờ nhằm ổn định sức sản xuất.

d. Giải pháp về phát triển thị trường:

- Để mở rộng thị trường Công ty cần phải kết hợp với các nhà phân phối để tiến hành chiến lược phát triển mới cho việc tiêu thụ xi măng như: Mở rộng chi nhánh phân phối ở các địa phương, đi kèm với chiến lược là hỗ trợ cước vận chuyển, thưởng kích cầu ở các mức khác nhau. Chính những hoạt động của các nhà phân phối này giúp thực hiện chiến lược đúng hướng nhằm huy động tối đa các nguồn lực đồng thời đáp ứng thỏa mãn nhu cầu kinh doanh cho các đại lý cấp 2,3 và người tiêu dùng cuối cùng góp phần giúp cho Công ty tăng uy tín và tăng thị phần tạo đà cho sự phát triển, góp phần phát triển thương mại sản phẩm về mặt quy mô. Đối với các vùng thị trường còn mới như Thanh Sơn, Tân Sơn, Thanh Thủy, ở đó người tiêu dùng còn hiểu biết hạn chế đối với sản phẩm xi măng Vĩnh Phú; Công ty cần phối hợp hơn nữa với nhà phân phối tăng cường các chính sách kích cầu, quảng bá rộng rãi hơn sản phẩm của Công ty tại các địa bàn này.
- Nghiên cứu, phân tích thị trường từng khu vực các sản phẩm xi măng để đưa ra giá bán xi măng phù hợp tại từng thời điểm. Để thực hiện tốt quá trình nghiên cứu thị trường DN cần thu thập thường xuyên các thông tin phản hồi của các hàng sau khi sử dụng sản phẩm xi măng của công ty. Đồng thời phát phiếu điều tra phỏng vấn cho các nhà phân phối của Công ty, từ đó có cách nhìn khách quan nhất đối với tình hình tiêu thụ sản phẩm xi măng trong giai đoạn hiện nay và có những chính sách hợp lý trong thời gian tới.

- Xây dựng chính sách bán hàng và hậu mãi sau bán hàng hợp lý nhằm giữ vững các thị trường tiêu thụ chính và mở rộng, phát triển các thị trường tiềm năng.
- Nghiên cứu, tìm kiếm, tiếp cận và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng bột và clinker lò quay.
- Trong quá trình phát triển thương mại sản phẩm xi măng trên thị trường thì vấn đề hoàn thiện bộ máy kinh doanh đóng vai trò quan trọng. Tuy nhiên do hệ thống quản lý còn yếu kém dẫn đến việc đối chiếu, thu hồi tiền từ khách hàng lẻ hàng tháng còn chậm. Để tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh, Công ty cần tiến hành rà soát bố trí lao động hợp lý, chuyên môn hóa trong từng bộ phận, đảm bảo cán bộ thị trường phải có những kiến thức cơ bản về xi măng. Nâng cao kỷ luật lao động, thực hiện chế độ tiền lương phù hợp với từng thành phần. Liên tục kiểm tra bộ phận phát triển thị trường.

e. Giải pháp phát triển nguồn lực tài chính.

- + Quản lý tốt các nguồn lực tài chính cũng như các khoản chi phí.
- + Tăng cường công tác thu hồi công nợ, không để nợ dây dưa và nợ khó đòi.
- + Xây dựng chiến lược huy động vốn để đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư và sản xuất.

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Đã trình bày tại mục 2.1 - Phần II.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tiến hành được 18 cuộc họp và 10 lần gửi phiếu xin ý kiến các thành viên HĐQT.
- Hoạt động giám sát của HĐQT với Ban giám đốc:

Trong các kỳ họp của Hội đồng quản trị, căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT sẽ tiến xem xét những kết quả đạt được và

Handwritten mark

chưa đạt được, những giải pháp điều chỉnh phù hợp để đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

- Về công tác quản lý Công ty:

+ Để quản lý Công ty theo quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, căn cứ vào các tờ trình, Hội đồng quản trị đã kịp thời xem xét, giải quyết, xây dựng các Nghị quyết về các vấn đề quản lý, điều hành Công ty.

+ Hội đồng quản trị đã thực hiện và duy trì chế độ họp định kỳ và đột xuất để kịp thời giải quyết, chỉ đạo các lĩnh vực hoạt động SXKD theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: 02 thành viên.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

2. Ban Kiểm soát.

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Đã trình bày tại mục 2.1 - Phần II

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát Công ty trên các mặt sau:

- Theo dõi giám sát công việc thuộc lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, bao gồm: công tác đầu tư xây dựng cơ bản nội bộ, quyết toán Dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất xi măng là quay công suất tối đa 1.200 tấn Clinker/ngày.

- Giám sát toàn bộ hoạt động liên quan đến quyền lợi người lao động, khen thưởng, kỷ luật và công tác tuyển dụng của Công ty.

- Giám sát toàn bộ hoạt động mua sắm vật tư, thiết bị và vật tư dùng cho sản xuất cũng như thanh lý, nhượng bán vật tư, thiết bị của Công ty.

- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017.

- Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

- Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi với người lao động.

- Kiểm tra báo cáo tài chính 2017.
- Kiểm tra việc ban hành và thực hiện các Nghị quyết, quy định,... của Đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị và ban Giám đốc.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

Trong năm 2017, lương và các khoản thù lao của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc là 874.250.000 đồng. Trong đó:

- Ông Triệu Quang Thuận - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GD là: 228.873.800 đồng.
- Ông Phạm Quang Anh - Phó Tổng GD, Ủy viên HĐQT là: 155.881.000 đồng.
- Ông Nguyễn Xuân Sơn- Phó Tổng GD là: 129.965.700 đồng
- Ông Bùi Văn Khang - Phó Tổng giám đốc là: 133.005.900 đồng.
- Ông Trần Tuấn Đạt - Ủy viên HĐQT là 113.797.900 đồng.
- Ông Nguyễn Thành Phú - Ủy viên HĐQT là: 6.000.000 đồng
- Ông Nguyễn Khắc Lâm - Ủy viên HĐQT là: 6.000.000 đồng
- Ông Tạ Đức Thiệm -Trưởng ban kiểm soát là: 12.000.000 đồng
- Bà Đỗ Thị Thanh Yên - Thành viên BKS là: 78.913.600 đồng
- Ông Nguyễn Xuân Lâm - Thành viên BKS là: 4.000.000 đồng

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

1. Ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Tại Báo cáo kiểm toán số 1502/2017/BC.KTTC-AASC.KT7 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ, chúng tôi đã nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với một số vấn đề. Các vấn đề này chưa được Công ty khắc phục triệt để nên vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty, cụ thể như sau:

- Công ty chưa thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái với các khoản vay có gốc ngoại tệ dẫn tới khoản mục “Vay và nợ thuê tài chính” và khoản mục “ Lợi nhuận sau thuế chưa chia phối” trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm

01/01/2017 và 31/12/2017 bị phản ánh thiếu lần lượt là 10,266 tỷ đồng và 9,967 tỷ đồng.

-Một số khoản công nợ phải thu, phải trả của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Trong đó : Số nợ phải thu chưa đối chiếu, xác nhận tại ngày 01/01/2017 và ngày 31/12/2017 lần lượt là 32,594 tỷ đồng và 29,568 tỷ đồng; Số nợ phải trả chưa đối chiếu, xác nhận tại ngày 01/01/2017 và ngày 31/12/2017 lần lượt là 72,425 tỷ đồng và 95,412 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các thông tin cần thiết để có thể đưa ra ý kiến rằng Công ty có cần điều chỉnh các số liệu này hay không.

-Công ty có một số khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán tại thời điểm 01/01/2017 và tại thời điểm 31/12/2017 lần lượt là 24,157 tỷ đồng và 31,567 tỷ đồng. Chúng tôi không có đủ thông tin cần thiết để có thể đưa ra ý kiến về giá trị dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tạo thời điểm 01/01/2017 và 31/12/2017.

-Dây chuyền Clinker của Công ty đang hoạt động với công suất thiết kế do Ban giám đốc Công ty công bố. Tuy nhiên chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp về công suất thiết kế, công suất bình thường của dây chuyền nên không thể đưa ra kết luận về mức độ phù hợp của số chi phí khấu hao tài sản cố định mà Công ty đã ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh, giá vốn hàng bán trong các kỳ trước cũng như kỳ này.

-Công ty chưa hoàn thành công tác quyết toán dự án Dây chuyền Clinker nên chưa phân loại được giá trị nhà cửa, vật kiến trúc và giá trị máy móc thiết bị. Do đó, Công ty tạm tính khấu hao theo sản lượng cho cả phần nhà cửa và vật kiến trúc. Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp để đưa ra kết luận về giá trị phù hợp đối với chi phí khấu hao trong các kỳ trước và kỳ này của những nhà cửa, vật kiến trúc thuộc dự án này.

Bên cạnh đó, chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể đưa ra ý kiến kiểm toán đối với một số vấn đề phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty như sau:

-Đối với các khoản đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao (3 tỷ đồng) và Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Kiên (500 triệu đồng), Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 của các đơn vị nêu trên để làm cơ sở xem xét trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính này.

-Tại ngày 31/12/2017, Báo cáo tài chính của Công ty cho thấy nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 282,393 tỷ đồng; lỗ lũy kế là 141,162 tỷ đồng; vốn chủ sở hữu âm 11,313 tỷ đồng; Ban Tổng giám đốc Công ty cũng chưa xây dựng kế hoạch dòng tiền cho năm 2017. Các dấu hiệu này cùng với các vấn đề khác cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Có bản báo cáo tài chính kèm theo.

Xác nhận của đại diện theo pháp
luật của Công ty



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC
Triệu Quang Thuận

TCC

CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG PHÚ THỌ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 257/QĐ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Ba, ngày 01 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2017

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG PHÚ THỌ

- Căn cứ vào luật doanh nghiệp số 68/2014/QH-13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP xi măng Phú Thọ;
- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2017 với một số chỉ tiêu chính như sau:

- Sản xuất Clinker: 240.000 tấn.
- Tiêu Thụ Clinker: 30.000 tấn.
- Sản xuất và tiêu thụ xi măng các loại: 280.000 tấn.
- Sản xuất và tiêu thụ đá khách hàng: 34.000 m³.
- Sản xuất đá để làm xi măng: 211.200 m³.
- Doanh thu: 268,908 tỷ đồng.
- Kết quả SXKD: Lỗ 14,363 tỷ đồng.

Điều 2. Tổng Giám đốc, các Phó TGD, Kế toán Trưởng Công ty và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Nơi nhận:
- Như Điều 3;
 - Lưu Thư ký Công ty.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG
PHÚ THỌ
H. THANH BÀ, T. HOÀNG
TRIỆU Quang Thuận

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		76.782.115.873	81.367.354.459
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	1.279.275.429	8.263.927.532
111	1. Tiền		1.279.275.429	8.263.927.532
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		28.864.684.002	30.279.372.665
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	19.495.820.064	20.995.834.978
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	7.776.393.504	7.732.544.104
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	7.026.824.069	6.982.046.975
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.584.361.698)	(5.584.361.698)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		150.008.063	153.308.306
140	IV. Hàng tồn kho	09	40.937.269.026	40.359.223.884
141	1. Hàng tồn kho		40.937.269.026	40.452.604.208
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(93.380.324)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.700.887.416	2.464.830.378
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	5.595.467.432	2.359.410.394
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		105.419.984	105.419.984
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		441.431.901.265	443.275.690.500
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		105.000.000	105.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	105.000.000	105.000.000
220	II. Tài sản cố định		412.311.790.661	428.004.603.170
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	412.292.790.645	427.966.603.158
222	- Nguyên giá		577.817.536.899	576.695.178.416
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(165.524.746.254)	(148.728.575.258)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	19.000.016	38.000.012
228	- Nguyên giá		160.000.000	160.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(140.999.984)	(121.999.988)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	17.721.656.049	2.211.254.990
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		17.721.656.049	2.211.254.990
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	1.480.492.152	1.480.492.152
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		500.000.000	500.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.000.000.000	3.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.019.507.848)	(2.019.507.848)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		9.812.962.403	11.474.340.188
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	9.812.962.403	11.474.340.188
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		518.214.017.138	524.643.044.959

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		529.526.681.169	521.454.578.685
310	I. Nợ ngắn hạn		359.175.591.547	337.802.716.971
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	135.948.685.246	165.224.174.280
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	15.909.638.981	11.377.024.941
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	7.521.697.026	8.237.559.030
314	4. Phải trả người lao động		5.569.471.954	4.453.003.674
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	36.775.833.277	30.296.579.201
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	80.820.509.206	59.530.448.980
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	76.629.755.857	58.683.926.865
330	II. Nợ dài hạn		170.351.089.622	183.651.861.714
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	170.351.089.622	183.651.861.714
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(11.312.664.031)	3.188.466.274
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	(11.312.664.031)	3.188.466.274
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		125.000.000.000	125.000.000.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		125.000.000.000	125.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.212.934.000	3.212.934.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(3.692.240.000)	(3.692.240.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		5.328.707.922	5.328.707.922
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(141.162.065.953)	(126.660.935.648)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(126.660.935.648)	(125.345.901.810)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(14.501.130.305)	(1.315.033.838)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		518.214.017.138	524.643.044.959

Người lập biểu



Triệu Thị Mai

Phụ trách kế toán



Vũ Anh Phương



Triệu Quang Thuận

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	238.084.153.182	281.864.544.664
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	115.731.726	71.169.268
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		237.968.421.456	281.793.375.396
11	4. Giá vốn hàng bán	24	212.261.683.536	238.614.929.048
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		25.706.737.920	43.178.446.348
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	19.457.839	7.281.043
22	7. Chi phí tài chính	26	25.151.493.650	24.731.660.707
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		24.246.907.464	22.917.862.293
25	8. Chi phí bán hàng	27	3.901.622.208	7.399.392.645
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	11.783.444.734	13.622.327.774
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(15.110.364.833)	(2.567.653.735)
31	11. Thu nhập khác	29	612.734.528	1.252.652.639
32	12. Chi phí khác	30	3.500.000	32.742
40	13. Lợi nhuận khác		609.234.528	1.252.619.897
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(14.501.130.305)	(1.315.033.838)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(14.501.130.305)	(1.315.033.838)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	(1.195)	(108)

Người lập biểu



Triệu Thị Mai

Phụ trách kế toán



Vũ Anh Phương



Đập, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc

Triệu Quang Thuận

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu 12 – TT.Thanh Ba – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ
- Điện thoại: 02103.885.310 Fax: 02103.884.023
- Vốn điều lệ: 125.000.000.000,0 đồng
- Mã chứng khoán: PTE

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tiến hành tổng cộng 18 cuộc họp và 10 lần gửi phiếu xin ý kiến các Thành viên HĐQT.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1	Triệu Quang Thuận	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD		18/18	100	
2	Phạm Quang Anh	Ủy viên HĐQT - Phó TGD		18/18	100	
3	Trần Tuấn Đạt	Ủy viên		16/18	88,88	
4	Nguyễn Khắc Lâm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29-06-2017	5/9	55,55	
5	Nguyễn Thành Phú	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29-06-2017	7/9	77,77	
6	Trần Quốc Huy	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29-06-2017	9/9	100	

7	Bùi Song Hào	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29-06-2017	9/9	100	
---	--------------	---------	-------------------------------	-----	-----	--

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2017 Hội đồng quản trị thường xuyên thực hiện các hoạt động giám sát với Ban Tổng Giám đốc. Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn các vấn đề quan trọng trong việc điều hành các hoạt động của Công ty ngoài các cuộc họp định kỳ.

Việc giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện qua báo cáo của Ban Tổng Giám đốc gửi các thành viên HĐQT. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo sát sao, giám sát và hỗ trợ việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

II. Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	04-Tr.NQ/HĐQT	03/01/2017	TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 12/2016 và HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 01 năm 2017; Tổng Giám đốc báo cáo tình hình rất khó khăn về tài chính và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT
2	56-Tr.NQ/HĐQT	03/02/2017	HĐQT thông qua kết quả SXKD tháng 01/2017 và kế hoạch SXKD tháng 02 năm 2017. - HĐQT xem xét nội dung tờ trình số 541/TTr-TGD ngày 02 tháng 02 năm 2017 của TGD Công ty
3	86-Tr.NQ/HĐQT	06/03/201	- TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 02 và HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 3 năm 2017 4- HĐQT tìm phương án tháo gỡ khó khăn về vốn lưu động để sản xuất và tiền để thực hiện đến bù, giải phóng mặt bằng hành lang an toàn mỏ đá vôi tại khu 3, xã Yên Nội. - HĐQT phân công người làm việc với phòng thu hồi công nợ

			của Lilama Hà Nội
4	103/NQ-HĐQT	23/03/2017	HĐQT nhất trí “Về việc Sửa đổi bổ sung quy định bổ nhiệm cán bộ”
5	115/NQ-HĐQT	03/04/2017	- TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 03 năm 2017 - HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 04 năm 2017 - HĐQT thông qua định mức khoán năng suất, chất lượng và các định mức tiêu hao than điện cho Nhà máy XMVP
6	117/NQ-HĐQT	05/04/2017	HĐQT nhất trí cho ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh khai thác nguyên vật liệu”
7	121/NQ-HĐQT	07/04/2017	HĐQT nhất trí mức chi phí (50.000.000,0 đồng/năm) để thực hiện quy chế phối Hợp giữa Công an thị xã Phú Thọ với Công ty CP xi măng Phú Thọ trong công tác đảm bảo an ninh trật tự và trật tự an toàn giao thông
8	127/NQ-HĐQT	13/04/2017	Nghị quyết HĐQT về việc đơn đốc thực hiện Quyết định số 172/QĐ-HĐQT ngày 29 tháng 05 năm 2008 của HĐQT Công ty
9	126-TR.NQ/HĐQT	13/04/2017	Ra nghị quyết đơn đốc việc đơn đốc thực hiện Quyết định số 172/QĐ-HĐQT ngày 29 tháng 05 năm 2008 của HĐQT Công ty “Ban hành quy chế quản lý đầu tư xây dựng cơ bản trong Công ty CP xi măng Phú Thọ”
10	149-Tr.NQ/HĐQT	03/05/2017	- TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 04 năm 2017 và HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 05 năm 2017 - HĐQT xem xét miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với bà Lê Thị Lan Hương với lý do đã có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động và lựa chọn bỏ

			nhiệm nhân sự thay thế
11	174/NQ-HĐQT	31/05/2017	Về việc chi bổ sung lượng cho CBCNV-LĐ năm 2016
12	177/NQ-HĐQT	05/06/2017	- TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 05 năm 2017 - HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 06 năm 2017
13	215-Tr.NQ/HĐQT	12/06/2017	- Thống nhất thời gian, nội dung, chương trình và soát xét tất cả các văn bản trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 - Các thành viên HĐQT giới thiệu nhân sự vào danh sách để bầu Hội đồng quản trị Công ty khóa III, nhiệm kỳ 2017-2022
14	235-Tr.NQ/HĐQT	26/06/2017	- Phân công nhiệm vụ và soát xét lại tất cả các văn bản trình Đại Hội cổ đông thường niên năm 2017 - Các thành viên HĐQT giới thiệu nhân sự vào danh sách để bầu Hội đồng quản trị và bản kiểm soát Công ty khóa III, nhiệm kỳ 2017-2022
15	245-NQ/HĐQT	05-07-2017	Bầu Chủ tịch HĐQT Công t khóa III, nhiệm kỳ 207-2022
16	264/NQ-HĐQT	11/07/2017	Nghị quyết HĐQT về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm các chức danh và thay đổi cơ cấu tổ chức
17	268/NQ-HĐQT	16/07/2017	Nghị quyết HĐQT về việc bổ nhiệm chức danh trưởng phòng TCKT kiêm phụ trách kế toán Công ty
18	310/ NQ-HĐQT	07/08/2017	TGD đề nghị HĐQT huy động vốn để thực hiện việc đền bù giải phóng mặt bằng hành lang an toàn mỏ đá vôi
19	315/NQ-HĐQT	07/08/2017	Nghị quyết HĐQT về việc huy động vốn để thực hiện việc đền bù, giải phóng mặt bằng hành lang an toàn mỏ đá vôi
20	257 ^a /NQ-HĐQT	10/07/2017	Nghị quyết HĐQT về việc phê duyệt kinh phí bồi thường GPMB; hỗ trợ & TĐC của dự án

			mở rộng mỏ đá vôi Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ tại địa bàn xã Ninh Dân, Yên Nội huyện Thanh Ba
21	307/NQ-HĐQT	03/08/2017	- TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 07 năm 2017 - HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 08 năm 2017 - TGD xin ý kiến HĐQT về việc tháo dỡ một số tài sản, thiết bị của nhà máy cũ để lắp đặt cho nhà máy mới và chi nhánh KTNVL
22	351/NQ-HĐQT	03/09/2017	Nghị quyết HĐQT về việc Phê duyệt thiết kế dự toán kinh phí đầu tư "Công trình điều chỉnh bổ sung hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư của Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ
23	354/NQ-HĐQT	04/09/2017	- TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 08 năm 2017 - HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 09 năm 2017
24	367-Tr.NQ/HĐQT	18/09/2017	- Xem xét giải quyết việc chậm quyết toán nhà máy mới - Xem xét Công văn số: 366/CV-TGD ngày 18/09/2017 của TGD Công ty về chủ trương của Công ty đầu tư trạm nghiền sàng tại Chi nhánh KTNVL - Xem xét Công văn số: 201/VICEM-TC&NL ngày 11/09/2017 của Tổng Công ty xi măng Việt Nam về việc cử người đại diện quản lý phân vốn tại Công ty xi măng Sông Thao
25	378/NQ-HĐQT	03/10/2017	- TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 09 năm 2017 - HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 10 năm 2017 - TGD xin ý kiến HĐQT về việc bán thanh lý một số sắt vụn
26	424/NQ-HĐQT	06/11/2017	- TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 10 năm 2017

			- HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 11 năm 2017
27	466/NQ-HĐQT	05/12/2017	- TGD báo cáo kết quả SXKD tháng 11 năm 2017 - HĐQT thông qua kế hoạch SXKD tháng 12 năm 2017 - TGD xin ý kiến HĐQT về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Quý Thắng làm giám đốc Chi nhánh KTNVL
28	482/QĐ-HĐQT	15/12/2017	Quyết định về việc xác định giá trị tài sản thanh lý và hình thức thực hiện

III. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 điều 6 luật chứng khoán.

1. Danh sách người có liên quan của Công ty (có danh sách kèm theo)

IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan (Báo cáo 06 tháng/năm)

1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan.

(Có danh sách kèm theo.)

2. Giao dịch cổ phiếu.

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu Công ty niêm yết: Có danh sách giao dịch đính kèm

3. Các giao dịch khác: Không có

V. Các vấn đề cần lưu ý khác: không có

Xác nhận của người đại diện pháp
luật của Công ty



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC
Triệu Quang Thuận

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty	Số giấy NSH* ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người liên quan	Lý do
1	UBND tỉnh Phú Thọ						
2	Triệu Quang Thuận	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	130812714, cấp ngày 14/05/2007, CA Phú Thọ	Khu 12 thị trấn Thanh Ba – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ			
3	Phạm Quang Anh	Thành viên HĐQT; Phó TGD	130603261, cấp ngày 07/05/2007, CA Phú Thọ	Khu 5 thị trấn Thanh Ba – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ			
4	Trần Tuấn Đạt	Thành viên HĐQT; Trợ lý TGD	131083162, cấp ngày 06/01/2010, CA Phú Thọ	Khu 4 thị trấn Thanh Ba – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ			
5	Nguyễn Khắc Lâm	Thành viên HĐQT	131067298, cấp ngày 13/06/2008, CA Phú Thọ	SN 14, ngõ 48, Phó Nguyễn Chánh, P.Trung Hòa, Q.Câu Giấy, TP.Hà Nội	Bổ nhiệm ngày 29/06/2017		
6	Nguyễn Thành Phú	Thành viên HĐQT	131529282, cấp ngày 24/04/2017, CA Phú Thọ	Khu 6 thị trấn Thanh Ba – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ	Bổ nhiệm ngày 29/06/2017		

7	Nguyễn Xuân Sơn	Phó TGĐ	130114367, cấp ngày 09/10/1996 CA Phú Thọ	Khu 12 thị trấn Thanh Ba – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ			
8	Bùi Văn Khang	Phó TGĐ	025059000016 , CA Hà Nội	11 ngõ 112/82 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam			
9	Tạ Đức Thiêm	Trưởng Ban KS	130836480, cấp ngày 14/05/2007, CA Phú Thọ	Khu 12 thị trấn Thanh Ba – huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ	Bổ nhiệm Trưởng ban KS ngày 29/06/2017		
10	Đỗ Thị Thanh Yên	Thành viên ban KS	131020921, Cấp ngày 10/02/2009, CA Phú Thọ	Khu 11 thị trấn Thanh Ba-huyện Thanh Ba – tỉnh Phú Thọ	Bổ nhiệm ngày 29/06/2017		
11	Trần Xuân Lâm	Thành viên ban KS	142238451, cấp ngày 19/04/2002,	Mình tân - Kim môn - Hải Dương	Bổ nhiệm ngày 29/06/2017		
12	Vũ Anh Phương	Trưởng ban KS; Trưởng Phòng TCKT kiêm Phụ trách kế toán	131286859, cấp ngày 25/03/2003, CA Phú Thọ	Vân Cơ - TP Việt Tri - Phú Thọ	Bổ nhiệm Trưởng phòng TCKT kiêm phụ trách KT ngày 16/07/2017	Miễn nhiệm Trưởng ban KS ngày 29/06/2017	
13	Trần Quốc Huy	Thành viên HĐQT	130836483, cấp ngày 05/08/1998, CA Phú Thọ	TT Thanh Ba - Thanh Ba - Phú Thọ		Miễn nhiệm ngày 29/06/2017	Hết nhiệm kỳ

14	Bùi Song Hào	Thành viên HĐQT	131015770, cấp ngày 07/10/2008, CA Phú Thọ	TT Thanh Ba - Thanh Ba - Phú Thọ		Miễn nhiệm ngày 29/06/2017	Hết nhiệm kỳ
15	Lê Thị Lan Hương	Trưởng phòng TCKT, kế toán trưởng	132055890, 08/07/2013,	TT Thanh Ba - Thanh Ba - Phú Thọ		Miễn nhiệm ngày 16/07/2017	Chuyên công tác
16	Nguyễn Lam	Người được ủy quyền Công bố thông tin	131212374, 06/03/2006, CA Phú Thọ	Ninh Dân - Thanh Ba - Phú Thọ			

DANH SÁCH GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CÔNG TY NIÊM YẾT

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển nhượng)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Triệu Quang Thuận	Chủ tịch HĐQT	663.550	5,30	691.950	5,53	mua